

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY SÀI GÒN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 22
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2007.

Trụ sở chính của Công ty: 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Tấn Tài	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Lê Trung Nam	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Huỳnh Tấn Tài	Phó Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Tạ Nam Bình	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Ngô Xuân Thúc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Vũ Đình Khang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/05/2014)
Ông Lê Trung Nam	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/05/2014)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Tấn Tài	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban
Bà Trần Thị Mai	Thành viên
Ông Ngô Trọng Khanh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 05/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015*



**Huỳnh Tấn Tài**

Số: 117 /2015/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn được lập ngày 02 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015*

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Giám đốc**



**Bùi Văn Thảo**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 0522-13-002-1

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thái**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 1623-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>37.104.110.245</b>	<b>32.743.414.726</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.785.118.465</b>	<b>1.471.559.387</b>
111	1. Tiền		1.785.118.465	1.471.559.387
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>700.000.000</b>	<b>-</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		700.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>23.492.927.513</b>	<b>20.694.896.409</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		23.414.728.424	20.654.567.507
132	2. Trả trước cho người bán		27.500.000	-
135	5. Các khoản phải thu khác		50.699.089	40.328.902
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>6.287.412.020</b>	<b>7.324.253.707</b>
141	1. Hàng tồn kho		6.287.412.020	7.324.253.707
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.838.652.247</b>	<b>3.252.705.223</b>
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.742.935.167	2.307.191.081
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>6</b>	618.980.380	366.249.062
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>7</b>	476.736.700	579.265.080
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>286.240.774</b>	<b>489.950.980</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>286.240.774</b>	<b>489.950.980</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	286.240.774	489.950.980
222	- Nguyên giá		29.094.270.672	29.094.270.672
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.808.029.898)	(28.604.319.692)
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>37.390.351.019</b>	<b>33.233.365.706</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>33.463.553.140</b>	<b>18.324.352.168</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>32.290.860.140</b>	<b>17.168.059.318</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	6.994.884.765	2.128.853.561
312	2. Phải trả người bán		11.824.632.205	6.383.228.030
313	3. Người mua trả tiền trước		-	2.449.786.971
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.318.410.819	5.622.537
315	5. Phải trả người lao động		5.754.041.505	3.996.057.635
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	5.344.991.347	1.968.342.085
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.899.499	236.168.499
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.172.693.000</b>	<b>1.156.292.850</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	12	1.172.693.000	1.156.292.850
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.926.797.879</b>	<b>14.909.013.538</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	13	<b>3.926.797.879</b>	<b>14.909.013.538</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		16.000.000.000	16.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(714.990.000)	(714.990.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.880.785.379	6.880.785.379
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.242.894.213	1.242.894.213
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(19.481.891.713)	(8.499.676.054)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>37.390.351.019</b>	<b>33.233.365.706</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		74.845,50	22.449,24

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.443.194.745	85.991.823.285
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	98.443.194.745	85.991.823.285
11	4. Giá vốn hàng bán	15	98.537.990.078	83.617.675.732
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(94.795.333)	2.374.147.553
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	277.360.937	509.732.749
22	7. Chi phí tài chính	17	334.435.653	143.443.204
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		334.435.653	143.443.204
24	8. Chi phí bán hàng	18	1.900.432.980	1.529.985.388
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	9.110.835.325	9.726.127.910
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.163.138.354)	(8.515.676.200)
31	11. Thu nhập khác	20	187.345.735	27.394.000
32	12. Chi phí khác	21	6.423.040	3.270.354
40	13. Lợi nhuận khác		180.922.695	24.123.646
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(10.982.215.659)	(8.491.552.554)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	8.123.500
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	82.454.940
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(10.982.215.659)</u>	<u>(8.582.130.994)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(7.288)	(5.695)

Người lập



Nguyễn Thị Lý

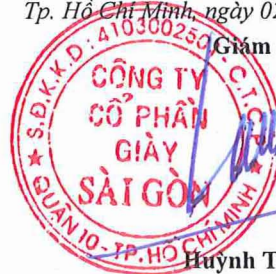
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		93.864.330.822	84.026.279.289
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(50.128.465.767)	(47.872.734.140)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.462.193.226)	(35.796.927.934)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(334.435.653)	(143.443.204)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(252.657.918)	(757.606.914)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.146.189.699	6.315.454.668
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.590.965.445)	(16.531.235.437)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(3.758.197.488)</i>	<i>(10.760.213.672)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(700.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	700.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.078.852	79.962.573
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(692.921.148)</i>	<i>779.962.573</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		52.466.380.108	18.639.737.795
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(47.701.809.818)	(16.510.884.234)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.645.020.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>4.764.570.290</i>	<i>483.833.561</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>313.451.654</i>	<i>(9.496.417.538)</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>		<i>1.471.559.387</i>	<i>10.877.788.626</i>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		107.424	90.188.299
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	3	<u><i>1.785.118.465</i></u>	<u><i>1.471.559.387</i></u>

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Giám đốc

Nguyễn Tấn Tài

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2007.

Trụ sở chính của Công ty: 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng; tương đương 1.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh giày dép, túi xách, cặp táp các loại (không thuộc da tại trụ sở);
- Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành giày dép, túi xách, cặp táp;
- Đại lý mua bán, ký gửi giày dép, túi xách, cặp táp cho nước ngoài;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- Đại lý tàu biển;
- Dịch vụ lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Nhà hàng ăn uống.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do tình hình kinh tế khó khăn chung, giá nguyên vật liệu và nhân công tăng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vẫn tiếp tục bị lỗ.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009

### 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

## 2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.10 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.11 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.12 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.13 . Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 2.14 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	79.950.978	57.689.501
Tiền gửi ngân hàng	1.705.167.487	1.413.869.886
	<u>1.785.118.465</u>	<u>1.471.559.387</u>

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	700.000.000	-
	<u>700.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh với lãi suất 5,9%/năm. Khoản tiền gửi này đang được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng trên (xem thuyết minh số 9).

5 .HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	972.912.976	1.628.187.466
Công cụ, dụng cụ	108.197.910	102.369.963
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.178.374.660	1.301.329.283
Thành phẩm	4.027.926.474	4.292.366.995
	<u><b>6.287.412.020</b></u>	<u><b>7.324.253.707</b></u>

6 .THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu	27.878.904	27.878.904
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	584.352.204	331.694.286
Thuế Tài nguyên	73.400	-
Các loại thuế khác	6.675.872	6.675.872
	<u><b>618.980.380</b></u>	<u><b>366.249.062</b></u>

7 .TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	476.736.700	579.265.080
	<u><b>476.736.700</b></u>	<u><b>579.265.080</b></u>

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	18.144.639.291	9.714.155.623	863.041.052	372.434.706	29.094.270.672
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.144.639.291</b>	<b>9.714.155.623</b>	<b>863.041.052</b>	<b>372.434.706</b>	<b>29.094.270.672</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	17.693.027.008	9.704.610.673	834.247.305	372.434.706	28.604.319.692
Số tăng trong năm	165.371.509	9.544.950	28.793.747	-	203.710.206
- <i>Khấu hao trong năm</i>	165.371.509	9.544.950	28.793.747	-	203.710.206
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.858.398.517</b>	<b>9.714.155.623</b>	<b>863.041.052</b>	<b>372.434.706</b>	<b>28.808.029.898</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	451.612.283	9.544.950	28.793.747	-	489.950.980
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>286.240.774</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>286.240.774</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 286.240.774 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.283.979.154 VND

**9 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh TP.HCM	6.994.884.765	2.128.853.561
	<b>6.994.884.765</b>	<b>2.128.853.561</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

Hợp đồng tín dụng số 0155/KH/14NH ngày 31/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: Đến hết ngày 31/07/2015;
- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietcombank - CN Hồ Chí Minh trị giá 700.000.000 VND và toàn bộ hệ thống máy móc và nhà xưởng của Công ty tại số 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	8.663.819	5.574.417
Thuế Tài nguyên	-	48.120
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	2.309.747.000	-
	<b>2.318.410.819</b>	<b>5.622.537</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	388.800.000	-
Bảo hiểm xã hội	3.129.085.722	950.705.085
Phải trả cổ tức cho cổ đông	979.200.000	979.200.000
Trợ cấp thôi việc	809.468.625	-
Phải trả, phải nộp khác	38.437.000	38.437.000
	<b>5.344.991.347</b>	<b>1.968.342.085</b>

**12 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ dài hạn Công ty Bata Malaysia	1.172.693.000	1.156.292.850
	<b>1.172.693.000</b>	<b>1.156.292.850</b>



**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	16.000.000.000	(714.990.000)	2.550.693.265	1.246.894.213	6.444.727.706	25.527.325.184
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(8.582.130.994)	(8.582.130.994)
Trích lập các quỹ	-	-	4.330.092.114	(4.000.000)	(4.554.052.766)	(227.960.652)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(1.808.220.000)	(1.808.220.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>(714.990.000)</b>	<b>6.880.785.379</b>	<b>1.242.894.213</b>	<b>(8.499.676.054)</b>	<b>14.909.013.538</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(10.982.215.659)	(10.982.215.659)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>(714.990.000)</b>	<b>6.880.785.379</b>	<b>1.242.894.213</b>	<b>(19.481.891.713)</b>	<b>3.926.797.879</b>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của SCIC	51,00%	8.160.000.000	51,00%	8.160.000.000
Vốn góp của Bà Phạm Thị Bạch Tuyết	6,24%	1.000.000.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	36,94%	5.908.500.000	43,18%	6.908.500.000
Cổ phiếu quỹ	5,82%	931.500.000	5,82%	931.500.000
	<b>100%</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>16.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.808.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	1.808.220.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	93.150	93.150
- Cổ phiếu phổ thông	93.150	93.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.506.850	1.506.850
- Cổ phiếu phổ thông	1.506.850	1.506.850
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.880.785.379	6.880.785.379
Quỹ dự phòng tài chính	1.242.894.213	1.242.894.213
	<b>8.123.679.592</b>	<b>8.123.679.592</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**14 .DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.443.194.745	85.991.823.285
	<b>98.443.194.745</b>	<b>85.991.823.285</b>

**15 .GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	98.537.990.078	83.617.675.732
	<b>98.537.990.078</b>	<b>83.617.675.732</b>

**16 .DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	7.078.852	79.962.573
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	96.752.072	403.900.386
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	173.530.013	25.869.790
	<b>277.360.937</b>	<b>509.732.749</b>

**17 .CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	334.435.653	143.443.204
	<b>334.435.653</b>	<b>143.443.204</b>

**18 .CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế, phí, lệ phí	31.931.636	25.083.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.794.846.258	1.412.130.640
Chi phí khác bằng tiền	73.655.086	92.771.021
	<b>1.900.432.980</b>	<b>1.529.985.388</b>

**19 .CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	76.024.022	91.838.366
Chi phí nhân công	3.330.587.786	3.054.011.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.581.256	185.283.654
Thuế, phí, lệ phí	2.419.675.438	2.426.502.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	733.449.832	960.308.977
Chi phí khác bằng tiền	2.502.516.991	3.008.182.562
	<b>9.110.835.325</b>	<b>9.726.127.910</b>

**20 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hỗ trợ trang trí, gia công	187.273.735	-
Thu nhập khác	72.000	27.394.000
	<b>187.345.735</b>	<b>27.394.000</b>

**21 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Truy thu thuế và chi nộp phạt	6.423.040	3.270.354
	<b>6.423.040</b>	<b>3.270.354</b>

**22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.982.215.659)	(8.491.552.554)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	6.423.040	-
- Chi phí không được khấu trừ	6.423.040	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(10.975.792.619)	(8.491.552.554)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Thuế TNDN truy thu	-	8.123.500
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>8.123.500</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(331.694.286)	417.789.128
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(252.657.918)	(757.606.914)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(584.352.204)</b>	<b>(331.694.286)</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(10.982.215.659)	(8.582.130.994)
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.982.215.659)	(8.582.130.994)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.506.850	1.506.850
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(7.288)</b>	<b>(5.695)</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.627.665.314	25.468.426.183
Chi phí nhân công	50.882.921.905	47.125.823.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.854.566	349.384.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.712.256.913	19.079.264.591
Chi phí khác bằng tiền	6.099.744.553	4.321.722.712
	<b>109.500.443.251</b>	<b>96.344.621.727</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.785.118.465	-	1.471.559.387	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.465.427.513	-	20.694.896.409	-
	<b>25.250.545.978</b>	<b>-</b>	<b>22.166.455.796</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	6.994.884.765	2.128.853.561
Phải trả người bán, phải trả khác	18.342.316.552	9.507.862.965
	<b>25.337.201.317</b>	<b>11.636.716.526</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.785.118.465	-	-	1.785.118.465
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.465.427.513	-	-	23.465.427.513
	<u>25.250.545.978</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.950.545.978</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.471.559.387	-	-	1.471.559.387
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.694.896.409	-	-	20.694.896.409
	<u>22.166.455.796</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.166.455.796</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	6.994.884.765	-	-	6.994.884.765
Phải trả người bán, phải trả khác	17.169.623.552	1.172.693.000	-	18.342.316.552
	<u>24.164.508.317</u>	<u>1.172.693.000</u>	<u>-</u>	<u>25.337.201.317</u>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	2.128.853.561	-	-	2.128.853.561
Phải trả người bán, phải trả khác	8.351.570.115	1.156.292.850	-	9.507.862.965
	<u>10.480.423.676</u>	<u>1.156.292.850</u>	-	<u>11.636.716.526</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất giày da để gia công xuất khẩu do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực địa lý.

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	810.495.082	1.071.636.707

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Giám đốc

Đuynh Tấn Tài